

STARGAZER

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật	Tiêu Chuẩn	Đặc Biệt	Cao Cấp
Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	4.460 x 1.780 x 1.695	4.575 x 1.780 x 1.695	4.575 x 1.780 x 1.710
Chiều dài cơ sở (mm)	2.780	2.780	2.780
Khoảng sáng gầm xe (mm)	185	195	205
Động cơ	Smartstream 1.5	Smartstream 1.5	Smartstream 1.5
Công suất/Mô men xoắn cực đại	115 PS/144 Nm	115 PS/144 Nm	115 PS/144 Nm
Hộp số	CVT	CVT	CVT
Phanh trước/sau	Đĩa/Tang trống	Đĩa/Tang trống	Đĩa/Đĩa
Trang bị và tiện nghi			
Đèn chiếu sáng	Halogen	LED tự động bật/tắt	LED tự động bật/tắt
Kích thước vành xe	16 inch	16 inch	17 inch
Màn hình điều khiển đa phương tiện	-	10.25 inch	10.25 inch
Hệ thống loa	4	6	6
Chế độ lái	-	4 (Normal-Eco Sport-Smart)	
An toàn			
Camera lùi	-	o	o
Phanh tay điện tử EPB và Auto Hold	-	-	o
Hệ thống cảm biến Trước/Sau	Sau	Sau	o
Điều khiển hành trình	-	o	Thông minh
Hỗ trợ phòng tránh va chạm phía trước (FCA)	-	-	o
Hỗ trợ phòng tránh va chạm điểm mù (BCA)	-	-	o
Hệ thống hỗ trợ phòng tránh va chạm phía sau (RCCA)	-	-	o
Hỗ trợ giữ và duy trì làn đường (LKA & LFA)	-	-	o
Số túi khí	2	2	6
Tiêu thụ nhiên liệu (l/100km)			
Trong đô thị (l/100km)	7.99	8.06	8.09
Ngoài đô thị (l/100km)	5.64	5.53	5.50
Hỗn hợp (l/100km)	6.51	6.46	6.45
Giá niêm yết (VNĐ)	489.000.000 VNĐ	569.000.000 VNĐ	615.000.000 VNĐ

